TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/KDTM-ST
Ngày: 22/09/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Bích

2/ Bà Hồ Thị Kim Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST- KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 733/2025/QĐST- KDTM ngày 28 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ1

Địa chỉ: 4 L, phường T, TP ..

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Dương Sầm Sơn H, Dương Văn Y Luân theo giấy ủy quyền ngày 08/09/2025.

Địa chỉ liên hệ: B T, phường P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV X – ông Ngô Phi H1 – người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: A N, phường C, thành phố Cần Thơ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

1/ Ông Huỳnh Hải P, sinh năm: 1958

2/ Bà Ngô Ngọc A, sinh năm: 1961

3/ Trần Thúy H2

4/ Huỳnh Minh L

5/ Huỳnh Bạch Đ

6/ Huỳnh Minh C

Địa chỉ: 54AB1 X, KDC C - H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bị đơn Công ty TNHH MTV X và Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng tín dụng số: 667/2018/HĐHM-PN/SHB.0131300 ngày 20/12/2018 để vay số tiền 10.500.000.000đ (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A có ký 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 667/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018 được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 20/12/2018.

Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất diện tích 131,5m^2 thửa số 2900, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại KDC C - H phường A, quận N thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05987 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 22/08/2013 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A.

Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất diện tích 99,6m^2 thửa số 2901, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại KDC C - H, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05988 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 22/08/2013 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 668/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018 được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 20/12/2018.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 108m^2 thửa số 2188, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại đường số G KDC C - H, khu vực II, phường A, quận N thành phố Cần Thơ, tài sản gắn liền với đất: nhà ở, diện tích 81m^2, diện tích sàn 253,8m^2, kết cấu: kiên cố, mái tole, trần thạch cao, móng cột BTCT, nền gạch ceramic, tường gạch xây, nhà cấp 3, 03 tầng, xây dựng năm 2011, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03343 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 24/06/2011 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A.

Ngày 20/12/2021 Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng mua bán nợ với Công ty cổ phần Đ1. Nội dung: bán toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH MTV X cho công ty cổ phần Đ1. Căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ ngày 20/12/2021 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là: 16.627.270.562đ (mười sáu tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

Nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp như trên để thu hồi nợ. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ trên theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán xong cho nguyên đơn.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hải P, Bà Ngô Ngọc A, Trần Thúy H2, Huỳnh Minh L, Huỳnh Bạch Đ, Huỳnh Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn trình bày: vào ngày 28/07/2025 Công ty TNHH MTV X đã thanh toán số tiền gốc 10.500.000.000đ (mười tỷ, năm trăm triệu đồng). Nên nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần vốn gốc. Nguyên đơn chỉ yêu cầu đối với phần nợ lãi như sau:

Nợ lãi trong hạn: 529.084.940đ

Nợ lãi quá hạn: 9.288.473.519đ

Nợ lãi phạt chậm trả: 207.763.762đ

Tổng số tiền lãi còn nợ: 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng).

Bị đơn: Công ty TNHH MTV X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hải P, Bà Ngô Ngọc A, Trần Thúy H2, Huỳnh Minh L, Huỳnh Bạch Đ, Huỳnh Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục tại phiên tòa.

- Về giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần vốn gốc nên đình chỉ đối với yêu cầu vốn gốc của nguyên đơn. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tổng số tiền lãi bị đơn còn nợ: 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng). Cụ thể.

Nợ lãi trong hạn: 529.084.940đ

Nợ lãi quá hạn: 9.288.473.519đ

Nợ lãi phạt chậm trả: 207.763.762đ

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ lãi: 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng). Nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp như trên để thu hồi nợ, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán xong cho nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ ngày 20/12/2021 và căn cứ biên bản ngày 28/07/2025 Công ty TNHH MTV X đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 10.500.000.000đ (mười tỷ, năm trăm triệu đồng). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền lãi còn nợ: 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng). Do đó, quan hệ pháp luật được xác định: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn Công ty TNHH MTV X có địa chỉ: A N, phường C, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn: Công ty TNHH MTV X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hải P, Bà Ngô Ngọc A, Trần Thúy H2, Huỳnh Minh L, Huỳnh Bạch Đ, Huỳnh Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần vốn gốc 10.500.000.000đ (mười tỷ, năm trăm triệu đồng). Nên hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu thanh toán số tiền vốn gốc 10.500.000.000đ (mười tỷ, năm trăm triệu đồng) của nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

Bị đơn Công ty TNHH MTV X và Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng tín dụng số: 667/2018/HĐHM-PN/SHB.0131300 ngày 20/12/2018 để vay số tiền 10.500.000.000đ (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng).

Ngày 20/12/2021 Ngân hàng TMCP S đã chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ kèm theo nêu trên cho Công ty cổ phần Đ1 theo hợp đồng mua, bán nợ số 2012.29/2021/HĐMBN/SHB-XNK ngày 20/12/2021. Theo nội dung của hợp đồng thì Ngân hàng TMCP S chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ cho Công ty cổ phần Đ1.

Đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ số tiền như sau:

Theo hợp đồng cấp hạng mức tín dụng số 667/2018/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 20/12/2018 bị đơn còn nợ tổng số tiền lãi : 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng), trong đó:

Nợ gốc: 0 đ

Nợ lãi trong hạn: 529.084.940đ

Nợ lãi quá hạn: 9.288.473.519đ

Nợ lãi phạt chậm trả: 207.763.762đ

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng nợ lãi: 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng), nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi theo lãi suất của hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán xong cho nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A có ký 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 667/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018 được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 20/12/2018.

Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất diện tích 131,5m^2 thửa số 2900, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại KDC C - H phường A, quận N thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05987 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 22/08/2013 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A.

Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất diện tích 99,6m^2 thửa số 2901, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại KDC C - H phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05988 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 22/08/20113 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 668/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018 được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 20/12/2018.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 108m^2 thửa số 2188, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại đường số G KDC C - H, khu vực II, phường A, quận N thành phố Cần Thơ, tài sản gắn liền với đất: nhà ở, diện tích 81m^2, diện tích sàn 253,8m^2, kết cấu: kiên cố, mái tole, trần thạch cao, móng cột BTCT, nền gạch ceramic, tường gạch xây, nhà cấp 3, 03 tầng, xây dựng năm 2011, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03343 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 24/06/2011 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A.

Cả 2 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự được lập thành văn bản công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Bị đơn: phải chịu 118.025.000đ (một trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí và 4.500.000đ (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án 2025,

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 01/2019/NQ/HĐTP ngày 11/01/2019;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 tổng số tiền nợ lãi 10.025.322.221đ (mười tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng), cụ thể:

Theo hợp đồng cấp hạng mức tín dụng số 667/2018/HĐHM-PN/SHB.131300 ngày 20/12/2018 bị đơn còn nợ lãi:

Nợ gốc: 0 đ

Nợ lãi trong hạn: 529.084.940đ

Nợ lãi quá hạn: 9.288.473.519đ

Nợ lãi phạt chậm trả: 207.763.762đ.

Bị đơn còn phải chịu lãi theo lãi suất của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong cho nguyên đơn.

Nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất diện tích 131,5m^2 thửa số 2900, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại KDC C - H phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05987 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 22/08/2013 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 667/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018.

Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất diện tích 99,6m^2 thửa số 2901, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại KDC C - H phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05988 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 22/08/20113 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 667/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 108m^2 thửa số 2188, tờ bản đồ số 35, tọa tại đường số G KDC C - H, khu vực II, phường A, quận N thành phố Cần Thơ, tài sản gắn liền với đất: nhà ở, diện tích 81m^2, diện tích sàn 253,8m^2, kết cấu: kiên cố, mái tole, trần thạch cao, móng cột BTCT, nền gạch ceramic, tường gạch xây, nhà cấp 3, 03 tầng, xây dựng năm 2011, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03343 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 24/06/2011 cho ông Huỳnh Hải P và bà Ngô Ngọc A. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 668/2018/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 20/12/2018

Đình chỉ yêu cầu thanh toán số tiền gốc: 10.500.000.000đ (mười tỷ, năm trăm triệu đồng) của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ1 được nhận lại 62.313.000đ (Sáu mươi hai triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5509 ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 Cần Thơ).

Bị đơn: phải chịu 118.025.000đ (một trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí và 4.500.000đ (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp . Cần Thơ;
- VKSND KV1 - Cần Thơ;
- Phòng THA dân sự KV1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc Bích